

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HS-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Len
- Ông Phạm Xuân Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thanh Bình- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2023, đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Nguyễn Công Y sinh năm 1975 tại Thái Bình; nơi cư trú: thôn DT, xã CH, huyện H, tỉnh Th; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH đầu tư xây dựng YV; con ông Nguyễn Công Ch sinh năm 1934 (đã chết); con bà Lê Thị C sinh năm 1935; vợ Đỗ Minh T1 (đã chết), có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12, sau đó lao động tại địa phương, năm 2010 Th1 lập Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng YV tại xã CH, H hoạt động từ đó cho đến nay; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

1.2. Trần Văn T sinh năm 1983 tại Thái Bình; nơi cư trú: thôn T2, xã M, huyện H, tỉnh Th; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trần Hồng T2 sinh năm 1956; con bà Trần Thị M1 sinh năm 1962 (đã chết); vợ Lò Thị K Ngân sinh năm 1992, có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: học hết lớp 12/12, sau đó đi nghĩa vụ quân sự từ năm 2001 đến năm 2003 về địa phương lao động tự do. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Nguyễn Văn D** sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã T3, huyện H, tỉnh Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, Nguyễn Công Y và ông Nguyễn Văn D cùng góp vốn Th1 lập Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư xây dựng YV (sau đây viết tắt là “Công ty YV”), do Y làm Giám đốc, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và san lấp, phá dỡ chuẩn bị mặt bằng; Trần Văn T là người điều khiển máy xúc thuê cho Y từ năm 2011.

Tháng 4 năm 2017, Y và ông D tiếp tục đầu tư thuê lại khoảng 24 ha đất bãi giáp sông L của 722 hộ dân thuộc 04 thôn của xã CH, huyện H, tỉnh Th, gồm: thôn DT, thôn Trung Th1, thôn Hùng Tiến và thôn Ngô Quyền, thời hạn thuê đất là 30 năm, mục đích để làm trang trại trồng bưởi và cam canh, đến năm 2021 thì chuyển sang trồng chuối. Y và ông D thống nhất: Y là người đứng tên ký hợp đồng thuê đất, còn D chịu trách nhiệm quản lý nhân công và điều hành toàn bộ các hoạt động canh tác.

Tháng 12 năm 2022, Y và ông D góp tiền mua 01 máy xúc nhãn hiệu KOMATSU - PC120 màu vàng đã qua sử dụng của ông Nguyễn Văn Dân trú tại xã Đ, huyện H với giá 450.000.000 đồng để phục vụ công việc của Công ty YV. Y đứng tên lập hợp đồng mua bán với ông D1, sau đó, Y giao máy xúc cho T trực tiếp quản lý sử dụng. Từ đầu năm 2023, theo chỉ đạo của Y, T thường điều khiển máy xúc để san gạt đất, đào rãnh, đào phá gốc chuối để cải tạo bãi đất và đắp bờ vùng (còn gọi là đê bồi); việc đắp bờ được thực hiện bằng cách đào đất ở khu vực sát mép sông đắp lên và tận dụng lúc nước sông cạn thì dùng máy xúc để mức cát dưới sông đắp lên bãi thoải.

Do mấy năm gần đây, việc làm ăn không thuận lợi dẫn đến khó khăn về kinh tế nên Y nảy sinh ý định khai thác bãi đất, cát tại bãi thoải trong diện tích đất đã thuê của 722 hộ dân để bán nhưng Y không làm thủ tục xin cấp phép khai thác khoáng sản. Ngày 02/3/2023, Y gặp T tại khu vực nhà điều hành ở bãi thau giáp với sông L, xã CH, huyện H, Y chỉ đạo T dùng máy xúc nhãn hiệu KOMATSU-PC120 múc vàng mức đất, cát đắp vào chân bờ vùng để chống sạt lở, còn thừa thì gọi người đến để bán. Do làm thuê cho Y lâu năm nên T biết Y còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng và phân bón của anh Hà Đình Th1, anh Nguyễn Văn Th2, anh Trần Văn H1; T đề xuất với Y là bán đất cho họ với giá 100.000 đồng/m³ để trừ vợi nợ cho Y và để lấy tiền mua dầu Diesel đổ máy xúc, Y đồng ý. Sau đó, T đã liên hệ với anh Th1, anh Th2 và anh H1 và nói với họ là có bán đất, cát lấy ở bãi sông L, xã CH, huyện H bán với giá 100.000 đồng/m³ không kể đất hay cát, nếu mua thì sẽ trừ một nửa vào số tiền Y đang nợ, nghe vậy anh Th1, anh Th2 và anh H1 đều đồng ý. Ngoài bán đất, cát cho anh Th1, anh Th2 và anh H1, T còn bán cho anh Trần Nho K, anh Nguyễn Văn G, anh Vũ Đình T, anh Nguyễn Mạnh D1 đều trú tại huyện H.

Từ ngày 06/3/2023 đến ngày 8/4/2023, khi có các xe ô tô đến chở mua đất, cát T dùng 01 máy xúc nhãn hiệu KOMATSU-PC120 múc đất, cát trực tiếp từ sông L đổ lên các xe ô tô, khối lượng đất, cát T khai thác trái phép bán được T có ghi chép lại cho từng người vào một quyển sổ, cụ thể:

- Từ ngày 06/3/2023 đến ngày 03/4/2023 bán cho anh Nguyễn Văn Th2 được 33 chuyến, tổng khối lượng 179m³ (gồm 143m³ đất và 36m³ cát), giá 100.000 đồng/1m³, Th1 tiền 17.900.000 đồng, anh Th2 chưa trả tiền.

- Ngày 18/3/2023, T thuê anh Th2 chở bán cho anh Nguyễn Văn G 06 chuyến, tổng khối lượng 33m³ đất, giá 650.000 đồng/chuyến, Th1 tiền 3.900.000 đồng, anh G đã trả hết số tiền này.

- Ngày 19/3/2023, T thuê anh Th2 chở thuê cho anh Vũ Đình T 10 chuyến, tổng khối lượng 55m³ đất, giá 650.000 đồng/chuyến, Th1 tiền 6.500.000 đồng, anh T đã trả hết số tiền này.

- Từ ngày 25/3/2023 đến ngày 07/4/2023, T bán cho anh Trần Văn H1 37 chuyến, tổng khối lượng 286m³ (gồm 70m³ đất và 216 m³ cát), giá 100.000 đồng/m³, Th1 tiền 28.600.000 đồng, anh H1 đã trả cho T 21.100.000 đồng, còn nợ lại 7.500.000 đồng.

- Ngày 25/3/2023, T bán cho anh Trần Nho K 02 chuyến, tổng khối lượng 16m^3 , bán giá 100.000 đồng/m^3 , Th1 tiền $1.600.000 \text{ đồng}$, anh K chưa trả tiền.

- Từ ngày 01/4/2023 đến ngày 08/4/2023, T bán cho anh Hà Đình Th1, 769m^3 (191m^3 đất và 578m^3 cát), giá 100.000 đồng/m^3 , nhưng chỉ tính số tiền phải trả 750.000 đồng , anh Th1 đã trả cho T $20.000.000 \text{ đồng}$, còn nợ lại $55.000.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 04/4/2023 đến ngày 06/4/2023, T bán cho anh Nguyễn Mạnh D1 62m^3 (54m^3 đất và 08m^3 cát), giá 100.000 đồng/m^3 , Th1 tiền $6.200.000 \text{ đồng}$, anh D1 đã trả cho T $3.000.000 \text{ đồng}$, còn nợ lại $3.200.000 \text{ đồng}$.

Như vậy từ ngày 06/3/2023 đến ngày 08/4/2023, Nguyễn Công Y, Trần Văn T đã khai thác được 1.400m^3 gồm: 838 m^3 cát và 562m^3 đất, bán cho 07 người, Th1 tiền là $139.700.000 \text{ đồng}$.

Quá trình khai thác đất, cát trái phép đã thu được $54.500.000 \text{ đồng}$, còn nợ lại là $85.200.000 \text{ đồng}$. T trả chi phí $10.000.000 \text{ đồng}$ để mua dầu Diesel cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xăng dầu Phú Sơn và $3.200.000 \text{ đồng}$ trả cước vận chuyển cho anh Th2, tổng chi phí là $13.200.000 \text{ đồng}$. Số tiền còn lại T đưa cho Y $20.000.000 \text{ đồng}$ và trả cho anh Trần Văn H1 $4.600.000 \text{ đồng}$ tiền mua vật liệu xây dựng, còn lại T vay lại để chi tiêu cá nhân và được Y đồng ý.

Cáo trạng số 51/CT-VKSTB ngày 28 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Công Y, Trần Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

- Đối với anh Hà Đình Th1, anh Nguyễn Văn Th2, anh Trần Nho K, anh Nguyễn Mạnh D1 và anh Trần Văn H1 là những người sử dụng xe ô tô tải đến bãi mua và chở đất, cát khai thác trái phép cho những người mua đất, cát, những người này không biết T khai thác đất, cát trái phép để bán cho nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với anh Đỗ Văn Lai, anh Phạm Văn Lùng, anh Nguyễn Văn Gian, anh Vũ Đình T là những người mua đất, cát do T khai thác trái phép về để san lấp vườn ao và sử dụng làm vật liệu xây dựng không biết nguồn gốc đất và cát đã mua nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với Nguyễn Văn D cùng Nguyễn Công Y thuê đất của 722 hộ dân ở xã CH, huyện H để trồng cây. Quá trình điều tra xác định trước và trong thời

gian Y khai thác, D không được Y bàn bạc thống nhất, do bãi trồng cây đất rộng, cây cối cao nên D không biết Y khai thác đất, cát trái phép bán nên Cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với các hộ dân cho Nguyễn Công Y, Nguyễn Văn D thuê đất để trồng cây, khi Y, T khai thác đất, cát trái phép trên diện tích đất họ cho thuê không hỏi ý kiến, không thông báo cho họ biết nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Công Y khai: Do mấy năm gần đây, dịch bệnh covid bùng phát làm cho việc làm ăn của bị cáo gặp nhiều khó khăn, lâm vào cảnh nợ nần chồng chất, vợ bị cáo lại mới chết để lại cho bị cáo gánh nặng gia đình, một mình bị cáo phải nuôi hai con nhỏ ăn học và phải chăm sóc hai mẹ già; nên khi lấy đất để đắp đê bồi, thấy lượng đất cát còn dư thừa nên bị cáo đã nói với bị cáo T là có ai cần mua thì cứ bán; sau đó T có nói với bị cáo là để hỏi anh Th1, anh Th2 và anh H1 xem có mua không thì bán cho họ để trừ nợ và lấy tiền mua dầu vì bị cáo biết là trước đây bị cáo có mua vật liệu xây dựng và phân bón của họ nhưng chưa trả hết tiền, bị cáo đồng ý và để cho bị cáo T tự liên lạc với người mua, trả tiền dầu; việc mua bán, thu, chi như thế nào do bị cáo ghi vào sổ; bị cáo cũng không quan tâm nhiều vì bị cáo T là người làm thuê cho bị cáo từ năm 2011, bị cáo T là người thật thà nên bị cáo rất tin tưởng; tính đến khi bị cơ quan công an phát hiện, giữa bị cáo và bị cáo T chưa thanh toán với nhau, bị cáo T có đưa cho bị cáo 2 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền mà bị cáo T đã bán đất cát là 139.700.000 đồng; bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, trả lại chiếc máy xúc cho bị cáo và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Trần Văn T khai, được sự đồng ý của bị cáo Y nên bị cáo đã trực tiếp dùng máy xúc để lấy đất, cát ở bãi bồi Sông L bán cho anh Th1, anh Th2 và anh H1, T còn bán cho anh Trần Nho K, anh Nguyễn Văn G, anh Vũ Đình T, anh Nguyễn Mạnh D1 với tổng số tiền là 139.700.000 đồng; bị cáo không hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội, bị cáo hiện còn phải nuôi 4 con nhỏ ăn học nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Ông Nguyễn Văn D trình bày: Tuy ông có góp vốn làm ăn chung với bị cáo Y, nhưng công việc của ông là quản lý người làm thuê, chăm sóc vườn chuối; mọi công việc khác như thuê khoán công nhân, thuê đất, mua máy xúc do

bị cáo Y đảm nhiệm; công việc làm ăn khó khăn nên giữa bị cáo Y và ông D chưa thanh quyết toán; ông không biết việc bị cáo Y và bị cáo T khai thác đất cát trái phép; ông bỏ tiền mua máy xúc từ cuối năm 2022 là để phục vụ cho việc đào hố, làm đất trồng chuối; ông đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc máy xúc, tạo điều kiện cho ông có phương tiện phục vụ sản xuất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố: các Nguyễn Công Y, Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Công Y từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã CH, huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho Nguyễn Công Y 01 máy xúc PC120, nhãn hiệu KOMATSU màu vàng đã cũ.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 139.700.000 đồng là tiền thu lời bất chính mà bị cáo Nguyễn Công Y đã nộp.

Các bị cáo Nguyễn Công Y, Trần Văn T đều không tranh luận gì đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Công Y, Trần Văn T đều nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bản thân các bị cáo đã khai báo Th1 khẩn nên đề nghị Hội đồng xét xử mức hình phạt nhẹ nhất để hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp và thống nhất với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc do Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 11 giờ ngày 08/4/2023; Biên bản khám nghiệm hiện trường, Sơ đồ hiện trường và Bản ảnh hiện trường tại bãi bồi sông L, xã CH, huyện H lập ngày 08/4/2023; Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu tạm giữ do Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 08/4/2023; Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu tạm giữ do Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 08/4/2023; Công văn số 1025 ngày 18/4/2023, của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình trả lời: “Kiểm tra các vị trí tọa độ $X(m)=2285117.060$; $Y(m)=570005.260$ thuộc địa phận xã CH, huyện H xác định vị trí trên không nằm trong diện tích mỏ cát được UBND tỉnh Thái Bình cấp giấy phép khai thác khoáng sản”; Công văn số 53A ngày 10/4/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình tiến hành đo đạc xác định khối lượng khai thác khoáng sản trái phép tại bãi sông L, xã CH, huyện H do Nguyễn Công Y quản lý; Biên bản quản lý tài liệu Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 09/4/2023 do Trần Văn T giao nộp; Bản kết luận giám định PTGD/09-2023 ngày 17/4/2023 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất - Cục địa chất Việt Nam kết luận: “05 mẫu giám định M1, M2, M3, M4, M5 là khoáng sản; 05 mẫu là khoáng sản dùng làm vật liệu xây dựng thông thường”; Bản kết luận định giá tài sản số 04/KLĐG ngày 28/5/2023 của Hội đồng định

giá trong Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện H; Lời khai của những người làm chứng.

[2.2] Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: mặc dù không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản, nhưng do việc làm ăn không thuận lợi, kinh tế khó khăn nên Nguyễn Công Y nảy sinh ý định khai thác bãi đất, cát tại bãi sông L, xã CH, huyện H để bán lấy tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 06/3/2023 đến ngày 08/4/2023, Nguyễn Công Y, Trần Văn T đã khai thác được 1.400m³(trong đó: 838 m³ cát và 562m³ đất) bán cho 07 người, tổng số tiền thu lời bất chính là 139.700.000 đồng.

[2.3] Điều 227 Bộ luật Hình sự quy định về tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên:

“1. Người nào vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên trong đất liền, hải đảo, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời của Việt Nam mà không có giấy phép hoặc không đúng với nội dung giấy phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

a) Thu lợi bất chính từ nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên nước; dầu khí hoặc khoáng sản khác từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Khoáng sản trị giá từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

....

[2.4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, khoáng sản của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội.

[2.5] Các bị cáo Nguyễn Công Y và Trần Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố.

[3] Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Công Y là người đã khởi xướng, còn bị cáo T là người thực hành, thực hiện hành vi một cách tích cực. Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là: “phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội Th1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Ngoài ra, bị cáo Y còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo đã tự nguyện khắc phục nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính 137.900.000 đồng; bị cáo Trần Văn T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo có thời gian tham gia quân đội, bổ đề của bị cáo là thương bệnh binh.

[4] Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt các bị cáo Nguyễn Công Y và Trần Văn T bằng hình phạt tù (bị cáo T chịu mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo Y) nhưng không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà cần áp dụng điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục các bị cáo trở Th1 công dân tốt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: do cả hai bị cáo Nguyễn Công Y và Trần Văn T đều có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vật chứng, tài sản quản lý:

Bị cáo Y và bị cáo T sử dụng 01chiếc máy xúc PC120, nhãn hiệu KOMATSU màu vàng đã cũ vào việc khai thác trái phép tài nguyên - nên xác định chiếc máy xúc là công cụ, phương tiện phạm tội. Bị cáo Nguyễn Công Y và ông Nguyễn Văn D đã chứng minh được, chiếc máy xúc này là tài sản chung của bị cáo Nguyễn Công Y và ông Nguyễn Văn D mua từ tháng 12/2022 để sử dụng vào việc đào hồ và làm đất trồng chuối, ông D không có lỗi trong việc để các bị cáo Y và T sử dụng máy xúc vào việc phạm tội; lẽ ra Hội đồng xét xử cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc máy xúc (phần của bị cáo Y) nhưng xét thấy, hoàn cảnh gia đình cũng như hoàn cảnh kinh tế bị cáo Y hiện nay rất khó khăn; bị cáo Y đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc khai thác trái phép tài nguyên là 139.700.000 đồng nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc máy xúc cho bị cáo Y và ông D và tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 139.700.000 đồng mà bị cáo Y đã nộp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Công Y, Trần Văn T phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 227; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Công Y 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã CH, huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đang cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

- Trả bị cáo Nguyễn Công Y và ông Nguyễn Văn D (do bị cáo Y đại diện) 01 chiếc máy xúc PC120, nhãn hiệu KOMATSU màu vàng đã cũ đang được quản lý theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 28/8/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 139.700.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Công Y đã nộp, gồm: 127.600.000 đồng do bị cáo Nguyễn Công Y nộp đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 28/8/2023 và 12.100.000 đồng bị cáo Nguyễn Công Y nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình theo biên lai số 0000004 ngày 25/9/2023.

4. Án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí, các bị cáo Nguyễn Công Y, Trần Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/9/2023.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND cấp cao;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh

